



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN17110399 MM17111318	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 24/11/2017
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 14/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Listeria monocytogenes	CFU/g	< 10	ISO 11290-2:1998/Amd.1:2004 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Huỳnh Yên Hà

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

191 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ (84.28) 3829 6113 - 3829 1744

☎ (84.28) 3911 5119

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

191 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

191 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN17110399 MM17111318	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 24/11/2017
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 14/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Antimon (Sb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL=0,01	CASE.TN.0026(*) (Ref.TCVN 4622-94)
2	Arsen (As)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL=0,01	AOAC 986.15(*)
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
4	Chì (Pb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
5	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	AOAC 971.21(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[4] (84.28) 3829 6113 - 3829 1744
[6] (84.28) 3911 5119
[e] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[4] (84.292) 3918 216 - 217 - 218
[6] (84.292) 3918 219
[e] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
[4] (84.258) 3811 808
[6] (84.258) 3811 809
[e] vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code
BN17110399
MM17111318

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 24/11/2017

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 14/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin M ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (HPLC_Ref. AOAC 986.16)(*)
2	Melamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0023 (GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] (84.28) 3829 6113 - 3829 1744
[📠] (84.28) 3911 5119
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[📍] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918 216 - 217 - 218
[📠] (84.292) 3918 219
[✉] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[📍] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 3811 808
[📠] (84.258) 3811 809
[✉] vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN17110399 MM17111318	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 24/11/2017
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 22/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	2,4 - D	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
2	Abamectin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
3	Acephate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
4	Aldicarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
5	Aldrin và Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
6	Amitraz	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
7	Bentazone	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
8	Bifenazate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

91 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.28) 3829 6113 - 3829 1744
(84.28) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

91 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918 216 - 217 - 218
(84.292) 3918 219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

91 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 3811 808
(84.258) 3811 809
vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
9	Bifenthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
10	Bitertanol	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
11	Carbaryl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
12	Carbendazim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
13	Carbofuran	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
14	Carbosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
15	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,002	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
16	Chlorpropham	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0005	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
17	Chlorpyrifos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
18	Chlorpyrifos-methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
19	Clethodim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
20	Clofentezine	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
21	Cyhexatin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
22	Cyprodinil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0004	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

19/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ (84.28) 3829 6113 - 3829 1744

☎ (84.28) 3911 5119

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

19/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
23	Cyromazine	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS- Ref.Analytica Acta (2005) 237-243
24	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
25	Diazinon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
26	Dichlorvos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
27	Dicofol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
28	Difenoconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,005	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
29	Diiflubenzuron	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
30	Dimethipin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
31	Dimethoate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
32	Dimethomorph	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
33	Diphenylamine	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,0004	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
34	Diquat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LCMS/MS- Preparation Method for the Determination of Paraquat and Diquat in Food Commodities
35	Disulfoton	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 (V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 (T) (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
 (M) (84.8) 3911 5119
 (E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 (V) F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (T) (84.710) 3918216 - 217 - 218
 (M) (84.710) 3918219
 (E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (V) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (T) (84.58) 3811 808
 (M) (84.58) 3811 809
 (E) kinhdoanh1@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
36	Endosulfan	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
37	Ethephon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,05	TCVN 8668:2011
38	Ethoprofos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
39	Fenamiphos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,005	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
40	Fenbuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
41	Fenbutatin oxide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
42	Fenhexamid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
43	Fenpropathrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
44	Fenpropimorph	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
45	Fenpyroximate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
46	Fenvalerat	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
47	Fipronil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,001	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
48	Fludioxonil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
49	Flumethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
50	Flusilazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267 -F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
51	Flutolanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
52	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
53	Imidacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
54	Indoxacarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
55	Kresoxim-methyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
56	Lindane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
57	Methamidophos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
58	Methidathion	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,001	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
59	Methomyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
60	Methoprene	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
61	Methoxyfenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
62	Myclobutanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
63	Novaluron	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
64	Oxamyl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(84.8) 3911 5119

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.710) 3918216 - 217 - 218

(84.710) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.58) 3811 808

(84.58) 3811 809

kinhdoanh1@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
65	Paraquat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LCMS/MS- Preparation Method for the Determination of Paraquat and Diquat in Food Commodities
66	Penconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
67	Permethrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
68	Phorate	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
69	Piperonyl butoxide	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
70	Pirimicarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
71	Pirimiphos - methyl	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
72	Prochloraz	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
73	Profenofos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
74	Propamocarb	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
75	Propargite	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
76	Propiconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
77	Pyraclostrobin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(84.8) 3911 5119

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.710) 3918216 - 217 - 218

(84.710) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.58) 3811 808

(84.58) 3811 809

kinhdoanh1@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
78	Pyrimethanil	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
79	Quinoxifen	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
80	Spinosad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
81	Tebuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
82	Tebufenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
83	Terbufos	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
84	Thiacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
85	Triadimefon	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
86	Triadimenol	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
87	Trifloxystrobin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
88	Vinclozolin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**


Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thử Nghiệm TP HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

91 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

☎ (84.8) 3829 6113 - 3829 1744

☎ (84.8) 3911 5119

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

91 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.710) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.710) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

91 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.58) 3811 808

☎ (84.58) 3811 809

✉ kinhdoanh1@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN17110399 MM17111318	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 24/11/2017
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 22/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Alpha - cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
2	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19- 32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
3	Ceftiofur	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
4	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58-76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
5	Clenbuterol	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0078- LC/MS/MS
6	Cyfluthrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[☎] (84.28) 3829 6113 - 3829 1744

[☎] (84.28) 3911 5119

[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[☎] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[☎] (84.292) 3918 216 - 217 - 218

[☎] (84.292) 3918 219

[✉] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[☎] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

[☎] (84.258) 3811 808

[☎] (84.258) 3811 809

[✉] vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Cyhalothrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
8	Cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
9	Deltamethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC/MS/MS_Ref. AOAC 2007.01
10	Diminazene	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
11	Doramectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
12	Eprinomectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
13	Febantel	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
14	Fenbendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
15	Imidocarb	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
16	Isometamidium	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
17	Ivermectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
18	Lincomycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
19	Oxfendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP-HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.28) 3829 6113 - 3829 1744
(84.28) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918 216 - 217 - 218
(84.292) 3918 219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 3811 808
(84.258) 3811 809
vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
20	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
21	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
22	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
23	Sulfadimidine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
24	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58-76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
25	Thiabendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Ref. AOAC 2007.01
26	Trichlorfon (Metrifonat)/ Dipterex	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	GC-Manual of Pesticide Residue analysis (*)
27	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	BIOCHIP
28	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	ELISA
29	Neomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	BIOCHIP
30	Pirlimycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 100	ELISA

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 (9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 (☎) (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
 (☎) (84.8) 3911 5119
 (✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 (9) F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (☎) (84.710) 3918216 - 217 - 218
 (☎) (84.710) 3918219
 (✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (9) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (☎) (84.58) 3811 808
 (☎) (84.58) 3811 809
 (✉) kinhdoanh1@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
31	Spectinomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	BIOCHIP
32	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	BIOCHIP

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TRHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267 -F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh1@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

Mã số mẫu/ Sample Code BN17110399 MM17111318	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 05/12/2017
--	--	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA CHUA CÓ ĐƯỜNG - NHÃN HIỆU VINAMILK (S-SCA-05)**
 Số lượng/ Quantity : 1
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong hũ nhựa.
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 07/11/2017
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 25/11/2017

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aminopyralid	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	NMKL Method No, 195,2013 (**)
2	Chlormequat	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	Anal Bional Chem.404 (2012)2465-2474(**)
3	Dimethenamid-p	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,005	BS EN 15662 : 2008(**)
4	Dithiocarbamate	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	GC/MS
5	Gluphosinate- ammonium	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	J. AOAC Int. 100 (2017) 631 - 639(**)
6	Oxydemeton-methyl	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,005	BS EN 15662 : 2008(**)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Th.S. Vũ Hàn Giang

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84.28) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 (84.292) 3918 219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84.258) 3811 808
 (84.258) 3811 809
 vanphongmien trung@case.vn